

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN BÌNH
Số: 63/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tân Bình, ngày 26 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 42/2023/NQ-HĐND ngày 11/5/2023 của Hội đồng nhân dân xã Tân Bình về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2022.

Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Tân Bình. (Có biểu mẫu kèm theo).

Điều 2. Văn phòng HĐND, UBND xã Tân Bình, Tài chính – Kế toán và các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các ban ngành đoàn thể xã;
- 03 thôn;
- Lưu VT-KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



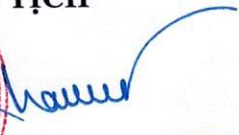
Trương Minh Thắng

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)*

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	7.886.940.923	TỔNG SỐ CHI	7.803.975.473
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	249.051.130	I. Chi đầu tư phát triển	2.119.196.490
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	728.672.438	II. Chi thường xuyên (gồm cả vốn sự nghiệp)	4.946.301.782
III. Thu bổ sung	6.513.449.490	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	738.477.201
- <i>Bổ sung cân đối</i>	3.902.000.000		
- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	2.611.449.490		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	141.610.627	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	0
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	254.157.238		
Kết dư ngân sách	82.965.450		

Người lập


Trịnh Thị CúcTM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trương Minh Thắng

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2		
	TỔNG THU	4.437.000.000	4.287.600.000	8.231.269.721	7.886.940.923	185,51	183,95		
I	Các khoản thu 100%	101.000.000	101.000.000	249.051.130	249.051.130	246,59	246,59		
	- Phí, lệ phí	23.000.000	23.000.000	35.663.000	35.663.000	155,06	155,06		
	- Thu khác và phạt các loại	27.000.000	27.000.000	24.004.540	24.004.540	88,91	88,91		
	- Thu xử phạt A TGT	4.000.000	4.000.000	0	0	0,00	0,00		
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	19.000.000	19.000.000	163.011.599	163.011.599	857,96	857,96		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	16.000.000	16.000.000	15.653.078	15.653.078	97,83	97,83		
	- Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000.000	12.000.000	10.718.913	10.718.913	89,32	89,32		
	- Thu từ đất ở tại nông thôn								
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	434.000.000	284.600.000	1.073.001.236	728.672.438	247,24	256,03		
I	Các khoản thu phân chia	434.000.000	284.600.000	1.073.001.236	728.672.438	247,24	256,03		
	- Thu tiền sử dụng đất	132.000.000	105.600.000	197.469.900	157.975.920	149,60	149,60		
	- Thuế thu nhập cá nhân	221.000.000	154.700.000	770.092.793	539.064.955	348,46	348,46		
	- Thuế giá trị gia tăng	81.000.000	24.300.000	105.438.543	31.631.563	130,17	130,17		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định								
-	-								

	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
III	Thu chuyển nguồn			254.157.238	254.157.238		
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước			141.610.627	141.610.627		
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.902.000.000	3.902.000.000	6.513.449.490	6.513.449.490	166,93	166,93
VI	Thu bổ sung cân đối	3.902.000.000	3.902.000.000	3.902.000.000	3.902.000.000	100,00	100,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu			2.611.449.490	2.611.449.490		

Người lập

Trình Thị Cúc

Trình Thị Cúc

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trương Minh Thắng



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QI/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	4.287.600.000	105.600.000	4.182.000.000	7.803.975.473	2.119.196.490	5.684.778.983	182,01	2.006,81	135,93
	Trong đó	0								
1	Chi đầu tư phát triển	105.600.000	105.600.000		2.119.196.490	2.119.196.490		2.006,81	2.006,81	
2	Chi vốn sự nghiệp									
3	Chi giáo dục	25.000.000		25.000.000	24.735.000		24.735.000	98,94		98,94
4	Chi y tế	16.100.000		16.100.000	16.092.000		16.092.000	99,95		99,95
5	Chi văn hóa, thông tin	36.000.000		36.000.000	35.843.000		35.843.000	99,56		99,56
6	Chi sự nghiệp môi trường	25.000.000		25.000.000	135.000.000		135.000.000	540,00		540,00
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.842.900.000		3.842.900.000	4.581.597.232		4.581.597.232	119,22		119,22
8	Chi cho công tác xã hội	18.000.000		18.000.000	17.000.000		17.000.000	94,44		94,44
9	Dự phòng	84.000.000		84.000.000	84.000.000		84.000.000	100,00		100,00
10	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau				738.477.201		738.477.201			
11	Chi tiết kiệm 10% cải cách tiền lương	135.000.000		135.000.000	52.034.550		52.034.550	38,54		38,54

Người lập

Trịnh Thị Cúc



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		2.119.197.000		2.119.197.000	2.119.196.490		2.119.196.490	
1. Công trình chuyển tiếp								
2. Công trình khởi công		2.119.197.000		2.119.197.000	2.119.196.490		2.119.196.490	
Đường giao thông nông thôn tổ 10 thôn 3	2022	336.004.000		336.004.000	336.004.000		336.004.000	
Đường giao thông nông thôn Tổ 5 thôn 3	2022	488.761.000		488.761.000	488.761.000		488.761.000	
Đường giao thông nông thôn thôn 2	2022	486.704.000		486.704.000	486.704.000		486.704.000	
Đường giao thông nông thôn thôn 1	2022	135.728.000		135.728.000	135.728.000		135.728.000	
Nhà văn hóa thôn 2. Hàng mục: Xây mới nhà văn hóa, giếng nước và các hạng mục phụ	2022	672.000.000		672.000.000	671.999.490		671.999.490	

Người lập



Trịnh Thị Cúc



ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trương Minh Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÂN BÌNH

Biểu số 120/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	361.956.324	361.956.324	0	361.956.324	242.017.000	119.939.324
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	361.956.324	361.956.324	0	361.956.324	242.017.000	119.939.324
- Dịch vụ môi trường	208.103.324	208.103.324	0	208.103.324	104.234.000	103.869.324
- Thu quỹ phòng chống thiên tai	19.783.000	19.783.000	0	19.783.000	19.783.000	0
- Thu quỹ người nghèo	134.070.000	134.070.000	0	134.070.000	118.000.000	16.070.000
2. Các hoạt động sự nghiệp						
Chợ						
Bến bãi						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

Người lập



Trịnh Thị Cúc

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Minh Thắng